

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Khoáng sản Vinas A Lưới được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 3300529819 vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Công ty có trụ sở tại: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/06/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch (từ ngày 28/12/2018 đến 15/06/2019)
Ông Trần Kim Luật	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/12/2018)
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/12/2018)
Ông Bùi Minh Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Bùi Vĩnh Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2019)

Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 17/06/2019)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm 15/06/2019)
Ông Đinh Hải Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm 15/06/2019)
Ông Bùi Quang Đức	Ủy viên (miễn nhiệm 15/06/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/06/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/06/2019)
Ông Ngô Xuân Doanh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/06/2019)
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 03/06/2019)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017.
- Theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện đầu tư vào "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê" tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng làm chủ đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.
- Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp thêm vốn vào Công ty CP Edico với số tiền 15.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017, nâng tổng số cổ phần đầu tư lên 2.750.000 cổ phần tương ứng với giá trị đầu tư là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% vốn điều lệ Công ty CP Edico. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Edico theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT ngày 28/12/2018 của Hội đồng quản trị. Đến ngày 31/12/2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Edico.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang với giá trị vốn góp là 24.500.000.000 VND chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ của công ty này theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, Công ty đã thoái toàn bộ đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang theo Nghị quyết số 08/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2812/HĐCN-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển nhượng là 24.500.000.000 VND.
- Vào ngày 3 tháng 6 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Phạm Văn Hải sang ông Bùi Minh Trường, chức danh Tổng Giám đốc.
- Theo Quyết định số 283/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu của Công ty (ALV) hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 654/TB-SGDHN ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu ALV được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 377/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hiện tại, cổ phiếu ALV bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM: chỉ được giao dịch vào

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

phiên thứ Sáu hàng tuần bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 669/TB-SGDHN ngày 20 tháng 6 năm 2019.

- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, một số nội dung chủ yếu được thông qua tại Biên bản kỳ họp số 15.6/2019/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV: thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2017; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, một số nội dung chủ yếu được thông qua tại Biên bản kỳ họp số 16.6/2019/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV: thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019; thông qua việc miễn nhiệm và bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ năm 2019 đến năm 2023.

Ngoài sự các kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



BUI MINH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2019



Số: 018/2019/BCKT-HT.00070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 7 năm 2019, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV sau ngày 31/12/2018 do đó, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm nêu trên. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu đối với khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và ảnh hưởng của các khoản mục này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Theo quyết định số 1183/QĐ-CCT ngày 07/09/2017 của Chi cục thuế huyện A Lưới, Công ty đang bị cưỡng chế thuế và Hóa đơn giá trị gia tăng không có giá trị từ ngày 11/09/2017. Do đó, Công ty không xuất được hóa đơn giá trị gia tăng đối với các khoản doanh thu ghi nhận sau thời điểm 11/09/2017. Đến thời điểm kiểm toán, tổng giá trị doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT là 19.729.753.292 VND. Hiện Công ty đang làm các thủ tục với cơ quan thuế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và đăng ký lưu hành hóa đơn.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại ngày 25 tháng 06 năm 2018. Nội dung ngoại trừ này đã bao gồm trong ý kiến ngoại trừ cho báo cáo kiểm toán năm 2018.

Như đã trình bày tại mục 4.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 28/12/2018, Công ty đã thực hiện thoái hết vốn đầu tư tại công ty con (công ty con duy nhất) và không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính đính kèm của Công ty không bao gồm những phát sinh trong kỳ của công ty con đã được thoái hết vốn.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.678.884.580	53.795.681.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	105.616.273	3.232.760.792
1. Tiền	111		105.616.273	3.232.760.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.080.332.650	47.666.073.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	-	28.660.810.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	28.863.130.650	14.081.655.240
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.202.280.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	554.922.000	5.563.607.102
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(540.000.000)	(640.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	1.492.935.657	2.896.847.812
1. Hàng tồn kho	141		1.492.935.657	2.896.847.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.194.518.957	25.210.776.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	45.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.189.816.622	10.202.175.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.689.816.622	5.702.175.946
- Nguyên giá	222		8.030.171.549	8.030.171.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.340.354.927)	(2.327.995.603)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	4.500.000.000	4.500.000.000
- Nguyên giá	228		4.500.000.000	4.500.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	11.413.043.478
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	11.413.043.478
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.004.702.335	3.595.557.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	4.004.702.335	3.595.557.168
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.873.403.537	79.006.458.466

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.812.792.937	41.298.873.577
I. Nợ ngắn hạn	310		32.812.792.937	41.298.873.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	13.399.360.172	26.088.996.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.262.373.118	7.978.982.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.134.563.101	5.412.410.504
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.533.769.081	1.519.905.444
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.355.364.349	138.715.546
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	11.061.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	159.863.116
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.060.610.600	37.707.584.889
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	64.060.610.600	37.707.584.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	31.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.579.360.000	31.579.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.082.542.885	5.729.517.174
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.684.016.728	921.327.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		398.526.157	4.808.189.999
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.873.403.537	79.006.458.466

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BÙI MINH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.679.525.550	68.333.197.507
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		7.679.525.550	68.333.197.507
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.633.933.799	59.210.408.917
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.591.751	9.122.788.590
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.812.224.128	981.074.044
7 Chi phí tài chính	22	6.4	1.587.266.737	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.587.266.737	-
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	72.345.000	989.250.272
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	4.050.305.680	905.655.219
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.147.898.462	8.208.957.143
11 Thu nhập khác	31	6.5	65.363.636	280
12 Chi phí khác	32	6.6	478.965.417	552.801.451
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(413.601.781)	(552.801.171)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		734.296.681	7.656.155.972
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	335.770.524	1.343.997.973
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		398.526.157	6.312.157.999
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	71	1.139
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	71	1.139

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BÙI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		734.296.681	7.656.155.972
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.012.359.324	581.148.754
- Các khoản dự phòng	03		(100.000.000)	(1.017.137.111)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.812.224.128)	(981.074.044)
- Chi phí lãi vay	06		1.587.266.737	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.578.301.386)	6.239.093.571
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		18.888.020.620	(13.522.804.509)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.403.912.155	(209.968.568)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(18.652.951.946)	14.629.637.086
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(409.145.167)	(335.126.751)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.587.266.737)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(275.399.664)	(718.069.332)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(239.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.211.132.125)	5.843.011.497
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	(10.468.181.818)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.802.280.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.600.000.000	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(84.500.000.000)	(4.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.725.267.606	981.074.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.977.012.394)	1.012.892.226
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		25.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		26.261.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.200.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.511.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.061.000.000	(4.511.904.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(3.127.144.519)	2.343.999.723
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.232.760.792	888.761.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	105.616.273	3.232.760.792

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BUI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Khoáng sản Vinas A Lưới được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 3300529819 vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **56.579.360.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là bán đá xây dựng và thi công đường giao thông.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thoái hết vốn đầu tư tại công ty con nên Công ty không thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

4.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.15 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.